

Bản án số: 235/2019/HS-PT

Ngày: 23 - 9 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Ông Lê Khắc Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Nền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 180/2019/TLPT-HS ngày 29 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Lê Thị Thu H và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2019/HSST ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Thị Thu H, sinh năm 1976 tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị N; có chồng và hai con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo đang thờ cúng ông Nguyễn Văn K (ông nội chồng) được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba; bị bắt, tạm giam: Không; có mặt.

2. Nguyễn Kim K (thường gọi là L), sinh năm 1984 tại Tiền Giang. Nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Kim H (đã chết) và bà Nguyễn Thị K; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: bị cáo được UBND xã H cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo (giai đoạn 2016 -2020); có mặt.

3. Lê Hữu T (thường gọi là B), sinh năm 1977 tại Vĩnh Long. Nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con

ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị Bé B; có vợ và 02 con; tiền án không, tiền sự: Ngày 04/5/2018, bị Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép và đã nộp phạt xong ngày 18/5/2018; nhân thân: Bị cáo có cha ruột được tặng Huân chương chiến công hạng ba; bị bắt, tạm giam: Không; có mặt.

4. Nguyễn Thị T, sinh năm 1977 tại Tiền Giang. Nơi cư trú: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị L; có chồng và có hai con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam: Không; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Thu H:* Ông Nguyễn Văn T, Luật sư Văn phòng luật sư N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

Ngoài ra còn có 12 bị cáo không có kháng cáo gồm Nguyễn Văn N, Lê Văn N, Mai Văn T, Võ Văn T, Huỳnh Công Q, Lê Phước T, Lê Văn T, Nguyễn Chí T, Nguyễn Minh P, Nguyễn Phú L, Nguyễn Văn M, Trần Thanh P; bị cáo có kháng cáo là Phan Kế N, nhưng đã rút toàn bộ kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vợ chồng ông Nguyễn Quốc V, ngụ ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp hiện đang cư trú tại nước ngoài, nhà và đất giao lại cho con ruột là Nguyễn Hoàng A và Lê Thị Thu H (vợ A) quản lý và sử dụng. Vào lúc 21 giờ 30 phút ngày 18/6/2018, nhận được tin báo của người dân, Công an huyện C tiến hành kiểm tra hộ ông Nguyễn Quốc V phát hiện và bắt quả tang các đối tượng đang tham gia lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền, trong đó có Lê Thị Thu H là chủ nhà. Tang vật thu giữ gồm:

Thu giữ tại sòng lắc tài xỉu: Tiền Việt Nam 16.500.000 đồng, 01 bộ lắc tài xỉu, 02 bộ bài tây, 01 bìa giấy cứng có ghi số từ 01 đến 06, 01 điện thoại di động Oppo màu đen.

Thu giữ xung quanh chiếu bạc: 01 bóp da màu đen bên trong có 9.000.000 đồng (thu tại nhà tắm), tiền Việt Nam 32.900.000 đồng thu giữ xung quanh sòng tài xỉu, 09 hộp xì ngầu, 01 bộ chén đĩa.

Tạm giữ trên người các đối tượng và xung quanh nhà ông Việt 26 điện thoại di động, 131.480.000 đồng và 19 xe mô tô các loại.

Qua điều tra xác định ngày 18/6/2018, tại địa điểm bị bắt quả tang do Lê Thị Thu H quản lý có 16 người tham gia lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền. Trong đó Nguyễn Kim K là người làm cái, Lê Hữu T giúp K chung chi tiền. Những người còn lại tham gia đặt cược như sau:

- 03 người tham gia ván cuối là Lê Văn N (đặt 04 ván, 03 ván đầu thua 300.000 đồng, ván thứ 04 đặt 100.000 đồng chưa có kết quả thì bị công an bắt); Mai Văn T (đặt 10 ván, mỗi ván từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, ván cuối đặt 200.000 đồng chưa có kết quả thì công an đến bắt); Võ Văn T (đặt 3-4 ván không liên tục, thua 1.000.000 đồng, ván cuối đặt 100.000 đồng chưa có kết quả thì bị bắt).

- 11 người tham gia các ván trước khi bị bắt quả tang gồm Nguyễn Văn N (đặt 03 ván thua 600.000 đồng); Huỳnh Công Q (đặt 7-8 ván, thua 400.000 đồng); Lê Phước T (đặt 01 ván, thua 180.000 đồng, ván thứ hai cầm 200.000 đồng định đặt tiếp nhưng Công an đến nên ném lại chiếu bạc); Lê Văn T (đặt 02 ván, thua 100.000 đồng); Nguyễn Chí T (đặt 05- 06 ván, T 500.000 đồng); Nguyễn Minh P (đặt 03 ván, thua 150.000 đồng); Nguyễn Phú L (đặt 04 ván, mỗi ván 100.000 đồng, không ăn thua); Nguyễn Thị T (đặt 5-6 ván, thua 250.000 đồng); Nguyễn Văn M (đặt 02 ván, thua 200.000 đồng); Phan Kế N (hùn với người khác 03 ván, hai ván đầu mỗi ván đặt 50.000 đồng không ăn thua, ván thứ ba định tham gia thì bị bắt); Trần Thanh P (đặt 05- 06 ván, thua 300.000 đồng). Các bị cáo không tham gia liên tục mà thấy ván nào vừa ý mới đặt.

Từ lúc bắt đầu lặt tài xỉu đến lúc bắt quả tang đều do Nguyễn Kim K đứng ra làm cái, Lê Hữu T giúp K chung chi tiền. Trong số 16.500.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc có 10.000.000 đồng là tiền K bỏ ra làm vốn khi bắt đầu làm cái; 4.000.000 đồng là tiền K thắng được; 400.000 đồng là tiền đặt cược bàn cuối của Lê Văn N, Mai Văn T và Võ Văn T; số tiền còn lại 2.100.000 đồng là tiền của những người có tham gia ném lại (chỉ xác định của Nguyễn Phước T ném lại 200.000 đồng).

Qua điều tra, Nguyễn Hoàng A khai khoảng 18 giờ ngày 18/6/2018 đã rời khỏi nhà để đi đám ở thành phố C. Ở nhà do vợ là Lê Thị Thu H quản lý, H có tổ chức lặt tài xỉu không thì A không biết. Lê Thị Thu H khai vào ngày 18/6/2018 H đi khám bệnh, khi về nhà đã thấy có lặt tài xỉu rồi, ai là người phát động chơi tài xỉu thì H không biết. H có kêu các đối tượng không cho chơi nhưng các đối tượng vẫn chơi nên H không có ý kiến. H có lấy tiền nước là 200.000 đồng do Nguyễn Kim K đưa. Tuy nhiên có 11 nhân chứng gồm Võ Văn T, Mai Văn T, Nguyễn Phú L, Phan Văn H, Lê Văn N, Phạm Hoàng N, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn M, Lê Thị Hồng T, Trần Thanh P, Huỳnh Công Q khai khi đến tham gia đặt tài xỉu tại nhà của H khoảng 19 đến 20 giờ ngày 18/6/2018 thì đã có mặt H tại nhà, trong nhà H có đặt 01 thùng trà đá, ai khát thì uống chứ không có hoạt động mua bán nước giải khát diễn ra và Lê Thị Thu H cũng không có hành động gì ngăn cản việc lặt tài xỉu. Đồng thời các nhân chứng đều khai do sòng tài xỉu chơi tại nhà của Nguyễn Hoàng A nên nghĩ là vợ chồng A tổ chức, còn việc tổ chức và lấy xâu cụ thể như thế nào thì không rõ, chỉ biết Nguyễn Kim K là người duy nhất làm cái.

Cơ quan điều tra đã làm rõ nguồn gốc các tang vật như: 01 bộ lặt tài xỉu, 02 bộ bài tây, 01 bìa giấy cứng có ghi số từ 01 đến 06, 09 hột xí ngầu, 01 bộ chén đĩa là tang vật các đối tượng sử dụng lặt tài xỉu; tiền Việt Nam 16.500.000 đồng là

của các bị cáo tham gia đánh bạc như nội dung trên; 01 điện thoại di động Oppo màu đen là của Lê Thị Hồng T có mặt lúc bị bắt quả tang nhưng không tham gia đánh bạc, Cơ quan điều tra đã trao trả điện thoại cho T; 01 bóp da bên trong có 9.000.000 đồng là của Huỳnh Công Q, lúc bị bắt cất giấu ở nhà vệ sinh; tiền Việt Nam 32.900.000 đồng thu giữ xung quanh sông tài xỉu, trong đó 12.400.000 đồng là của Võ Văn T, 18.000.000 đồng là của Mai Văn T và 2.500.000 đồng còn lại chưa chứng minh được chủ sở hữu.

Đối với 26 điện thoại di động, 131.480.000 đồng và 19 xe mô tô các loại tạm giữ trên người các đối tượng và xung quanh nhà ông V, hiện Cơ quan điều tra còn tạm giữ 37.030.000 đồng (của Nguyễn Thị T 13.300.000 đồng, Nguyễn Phú L 12.000.000 đồng, Nguyễn Chí T 1.000.000 đồng, Huỳnh Công Q 1.400.000 đồng, Phan Kế N 830.000 đồng, Lê Hữu T 1.750.000 đồng, Võ Văn T 1.000.000 đồng, Nguyễn Kim K 200.000 đồng, Nguyễn Văn M 1.050.000 đồng, Lê Văn N 200.000 đồng, Nguyễn Minh P 100.000 đồng, Lê Văn T 2.600.000 đồng, Nguyễn Văn N 1.600.000 đồng). Số tài sản còn lại Cơ quan điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu. Riêng xe mô tô biển số xN1-xxxxx Cơ quan điều tra đã có thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng chưa có người đến nhận.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2019/HS-ST ngày 17/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Lê Thị Thu H phạm tội “Gá bạc”. Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu H 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt. Phạt bổ sung bị cáo Lê Thị Thu H số tiền 20.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Kim K phạm tội “Đánh bạc”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Kim K 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt. Miễn phạt bổ sung bị cáo, do bị cáo thuộc hộ nghèo.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Lê Hữu T phạm tội “Đánh bạc”. Xử phạt bị cáo Lê Hữu T 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt. Phạt bổ sung bị cáo Lê Hữu T số tiền 10.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Đánh bạc”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T số tiền 20.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Bản án sơ thẩm còn xử phạt các bị cáo Phan Kế N, Nguyễn Văn N, Lê Văn N, Mai Văn T, Võ Văn T, Huỳnh Công Q, Lê Phước T, Lê Văn T, Nguyễn Chí T, Nguyễn Minh P, Nguyễn Phú L, Nguyễn Văn M, Trần Thanh P như sau:

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Phan Kế N phạm tội “Đánh

bạc”. Xử phạt bị cáo Phan Kế N 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 14 tháng 6 năm 2019. Phạt bổ sung bị cáo Phan Kế N số tiền 10.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Đánh bạc”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt, nhưng được trừ những ngày bị tạm giam từ ngày 26/10/2018 đến ngày 24/12/2018. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn N số tiền 10.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Chí T và Trần Thanh P phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T 04 tháng 20 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/01/2019 đến ngày tuyên án 17/6/2019. Trả tự do cho bị cáo Nguyễn Chí T ngay tại phiên tòa. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Chí T số tiền 10.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh P 04 tháng 05 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/02/2019 đến ngày tuyên án 17/6/2019. Trả tự do cho bị cáo Trần Thanh P ngay tại phiên tòa. Phạt bổ sung bị cáo Trần Thanh P số tiền 10.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Lê Văn N, Mai Văn T, Võ Văn T, Huỳnh Công Q, Lê Phước T, Lê Văn T, Nguyễn Minh P, Nguyễn Phú L, Nguyễn Văn M phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn N số tiền 20.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Mai Văn T số tiền 20.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Võ Văn T số tiền 20.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Công Q số tiền 20.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Lê Phước T số tiền 20.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T số tiền 20.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh P số tiền 20.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú L số tiền 20.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M số tiền 20.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý tang vật, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 27/6/2019, ngày 01/7/2019 bị cáo Lê Thị Thu H kháng cáo xin được hưởng án treo và miễn hình phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng. Đến ngày

04/9/2019 bị cáo H thay đổi, bổ sung kháng cáo xin giảm hình phạt 06 tháng và cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 28/6/2019, bị cáo Nguyễn Thị T kháng cáo xin giảm một nửa số tiền phạt.

Ngày 28/6/2019, bị cáo Lê Hữu T kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 28/6/2019, bị cáo Nguyễn Kim K kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 17/6/2019 bị cáo Phan Kế N kháng cáo xin giảm hình phạt tù và hình phạt bổ sung. Nhưng đã rút toàn bộ kháng cáo trước khi Tòa án cấp phúc thẩm quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Lê Thị Thu H, Nguyễn Kim K, Lê Hữu T, Nguyễn Thị T đều thừa nhận vào khoảng 19 giờ ngày 18/6/2018, Lê Thị Thu H biết Nguyễn Kim K, Lê Hữu T, Nguyễn Văn N, Lê Văn N, Mai Văn T, Võ Văn T, Huỳnh Công Q, Lê Phước T, Lê Văn T, Nguyễn Chí T, Nguyễn Minh P, Nguyễn Phú L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn M, Phan Kế N, Trần Thanh P đến nhà ở tại ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do H làm chủ để chơi tài xỉu nhưng vẫn đồng ý cho chơi và thu lợi 200.000 đồng từ Nguyễn Kim K. Từ lúc bắt đầu lắc tài xỉu đến lúc bắt quả tang đều do Nguyễn Kim K đứng ra làm cái, Lê Hữu T giúp K chung chi tiền. Trong số 16.500.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc có 10.000.000 đồng là tiền K bỏ ra làm vốn khi bắt đầu làm cái; 4.000.000 đồng là tiền K thắng được; 400.000 đồng là tiền đặt cược bàn cuối của Lê Văn N, Mai Văn T và Võ Văn T; số tiền còn lại 2.100.000 đồng là tiền của những người khác tham gia ném lại. Các bị cáo H, K, T, T đều giữ nguyên kháng cáo.

Bị cáo H trình bày là sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo có nộp hình phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng, bị cáo đang bị bệnh và đang nuôi hai con nhỏ, nên xin Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm hình phạt 06 tháng và cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo K trình bày bị cáo là lao động chính trong gia đình và đang nuôi con nhỏ, nên xin Hội đồng xét xử phúc thẩm cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo T trình bày bị cáo bị bệnh, nên xin Hội đồng xét xử phúc thẩm cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo T trình bày là do công việc bấp bênh nên thu nhập không ổn định, xin Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm một nửa số tiền phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Thu H trình bày lời bào chữa: Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo H tội “Gá bạc” với mức án 01 năm tù là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/8/2019 bị cáo H có nộp hình phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng theo biên lai số 003944 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp; bản thân bị cáo H đang có bệnh. Đề nghị Hội

đồng xét xử phúc thẩm giảm hình phạt cho bị cáo 06 tháng và cho bị cáo hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Lê Thị Thu H phạm tội “Gá bạc” theo điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015 và tuyên bố bị cáo Nguyễn Kim K, Lê Hữu T, Nguyễn Thị T phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo H kháng cáo xin giảm hình phạt 06 tháng và cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo đã nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng. Xét thấy mức án 01 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo H là đúng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo. Việc bị cáo H nộp hình phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng không là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được pháp luật quy định, nên không giảm hình phạt cho bị cáo H và không cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Thị T kháng cáo xin giảm một nửa số tiền phạt. Do số tiền 20.000.000 đồng mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo T là mức thấp nhất của khung hình phạt khi áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền và đúng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo. Bị cáo T kháng cáo nhưng không cung cấp tình tiết mới nên kháng cáo của bị cáo không có căn cứ để chấp nhận.

Bị cáo Lê Hữu T kháng cáo giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Do mức án 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo T là đúng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo. Ngày 04/5/2018 bị cáo T bị Công an huyện Châu Thành xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép, nhưng không hối cải mà tiếp tục có hành vi đánh bạc trái phép và bị bắt quả tang ngày 18/6/2018, nên bị cáo T không đủ điều kiện được hưởng án treo mà pháp luật quy định. Do vậy kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo T không có căn cứ chấp nhận.

Bị cáo Nguyễn Kim K kháng cáo giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Xét mức án 09 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo K đúng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo. Nên không cho bị cáo K được hưởng án treo.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Thu H, Nguyễn Kim K, Lê Hữu T, Nguyễn Thị T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Thị Thu H, Nguyễn Kim K, Lê Hữu T, Nguyễn Thị T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ sơ sở khẳng định bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2019/HSST ngày 17/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp đã xử phạt bị cáo Lê Thị Thu H về tội “Gá bạc” theo điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và xử phạt các bị cáo Nguyễn Kim K, Lê Hữu T, Nguyễn Thị T về tội “Đánh bạc” khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng. Các bị cáo là người thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Lẽ ra các bị cáo phải sống lành mạnh, không tham gia các tệ nạn xã hội, tích cực lao động chân chính để tạo thu nhập hợp pháp nuôi sống bản thân và có điều kiện phát triển kinh tế gia đình, làm gương cho người thân trong gia đình và góp phần làm cho xã hội tiến bộ hơn. Nhưng các bị cáo đã không thực hiện, chỉ vì lười lao động, muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài mà không phải lao động vất vả nên bị cáo H đã thực hiện hành vi gá bạc với hình thức biết bị cáo K và 15 bị cáo còn lại trong vụ án đến nhà bị cáo H chơi lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền nhưng vẫn đồng ý cho chơi và thu lợi số tiền 200.000 đồng từ bị cáo K; bị cáo K, T đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép với hình thức lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền; bị cáo T đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép với hình thức giúp K (là người làm cái) chung chi tiền từ lúc bắt đầu lắc tài xỉu đến lúc bị bắt quả tang. Các bị cáo nhận thức được hành vi Gá bạc, đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật, là tệ nạn của xã hội, xâm phạm đến trật tự nếp sống văn minh của xã hội, nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện việc các bị cáo xem thường pháp luật. Do đó phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Khi lượng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là phù hợp.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Lê Thị Thu H kháng cáo xin được hưởng án treo và miễn hình phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng, sau đó bị cáo H nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng theo biên lai số xxxxxx ngày 20/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp và xin thay đổi, bổ sung kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt 06 tháng và cho bị cáo được hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Thị T kháng cáo xin giảm một nửa số tiền phạt; bị cáo Lê Hữu T và Nguyễn Kim K kháng cáo cho các bị cáo được hưởng án treo.

Xét mức án 01 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo H là đúng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo. Do tội danh mà bị cáo H bị xử phạt, pháp luật quy định ngoài việc áp dụng hình phạt chính, bị cáo còn bị áp dụng hình phạt bổ sung, nên đây là hình phạt bị cáo phải chấp hành,

mà không là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được pháp luật quy định, vì vậy việc bị cáo H đã nộp phạt số tiền 20.000.000 đồng không là tình tiết mới để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét. Về tình tiết bị cáo H có bệnh dẫn tĩnh mạch chi dưới, tăng huyết áp, xơ vữa động mạch theo đơn thuốc ngày 11/7/2019 của bác sĩ khám bệnh và phiếu siêu âm ngày 11/7/2019 kết luận lách đã cắt của bác sĩ điều trị, nhưng đây không là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được pháp luật quy định, do vậy cũng không được xem xét. Đối với tình tiết bị cáo H nuôi hai con nhỏ, thực tế bị cáo H có 02 con, con lớn sinh năm 1999 hiện đã thành niên và con nhỏ sinh năm 2006, song trong gia đình vẫn còn chồng bị cáo trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung nên tình tiết này không được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét. Bị cáo H kháng cáo nhưng không cung cấp tình tiết mới nên kháng cáo xin giảm hình phạt 06 tháng của bị cáo không có căn cứ để chấp nhận; mức án 01 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo H là phù hợp, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

Xét mức phạt tiền 20.000.000 đồng mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T là mức thấp nhất của khung hình phạt khi áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền và đúng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo. Bị cáo T kháng cáo xin giảm một nửa số tiền phạt nhưng không cung cấp tình tiết mới, mà chỉ trình bày do công việc bấp bênh nên thu nhập không ổn định, nên kháng cáo xin giảm một nửa số tiền phạt của bị cáo T không có căn cứ chấp nhận.

Xét mức án 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Hữu T là đúng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo. Bị cáo T kháng cáo xin hưởng án treo, tuy nhiên ngày 04/5/2018 bị cáo T bị Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép (đã nộp phạt xong ngày 18/5/2018), nhưng không hối cải, sửa chữa lỗi lầm mà tiếp tục có hành vi đánh bạc trái phép và bị bắt quả tang ngày 18/6/2018, nên bị cáo T không đủ điều kiện được hưởng án treo mà pháp luật quy định. Tại phiên tòa bị cáo T trình bày là bị cáo bị bệnh, nhưng không cung cấp tài liệu, giấy tờ chứng minh bị cáo có bệnh. Do đó kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo T không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Xét mức án 09 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Kim K là đúng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo. Bị cáo K kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo, lý do bị cáo là lao động chính trong gia đình và đang nuôi con nhỏ. Tuy nhiên bị cáo K có vợ sinh năm 1987, vẫn còn trong độ tuổi lao động nên bị cáo không là lao động chính duy nhất trong gia đình. Bị cáo có hai con, nhưng trong gia đình vẫn còn vợ bị cáo trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo K không có căn cứ chấp nhận.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, không chấp nhận kháng cáo của các

bị cáo Lê Thị Thu H, Nguyễn Kim K, Lê Hữu T, Nguyễn Thị T và giữ nguyên bản án sơ thẩm, nhưng có điều chỉnh cách tuyên án về số tiền sung vào ngân sách nhà nước cho phù hợp.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Do kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Thu H, Lê Hữu T, Nguyễn Thị T không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Kim K thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Thu H, Nguyễn Kim K, Lê Hữu T, Nguyễn Thị T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Thu H phạm tội “Gá bạc”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Thu H 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Kim K phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Kim K 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Hữu T phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Hữu T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 20.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo Lê Thị Thu H, Lê Hữu T, Nguyễn Thị T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Kim K thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ GD-KT 1);
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh;
- TAND - VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Cơ quan CSĐT Công an H. C;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng GDKTNV-THA;
- Các bị cáo;
- Lưu: VT, HS (Linh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy Hằng